

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Máy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Tư;

Bà Lương Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Âu Thị S, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trăng Văn N, sinh năm 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Trăng Thị D; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Âu Thị S trình bày: Trước khi kết hôn chị và anh Trăng Văn N được tự do tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 23/02/2004. Sau khi cưới về chung sống với anh Trăng Văn N, thường xảy ra mâu thuẫn chuyện tình cảm cãi nhau, có nhiều lần anh N còn đánh đập chị và cầm dao dọa hành hạ đến tinh thần và thể xác của chị, trong suốt 16 năm qua,

đến nay chị không thể chung sống với anh N được nữa, chị và anh N đã ly thân từ năm 2020 đến nay, chị nhận thấy không thể chung sống và duy trì mối quan hệ hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Trắng Văn N được ly hôn. Về con chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Trắng Thu T, sinh ngày 22/8/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Trắng Bảo A sinh ngày 10/12/2011 hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Trắng Bảo A, đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Trắng Văn N vắng mặt, nhưng biên bản lấy lời khai anh Trắng Văn N trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh và chị S được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn năm 2004. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, khoảng năm 2018 anh có sử dụng ma túy, đến khoảng năm 2019 chị S bỏ đi làm ăn ở đâu anh không rõ, từ đó chị S không về, anh và chị S không chung sống với nhau từ đó. Đến năm 2022 anh đi chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đến nay. Nay chị S yêu cầu ly hôn anh không nhất trí, anh cho rằng tình cảm vẫn còn với chị S, đến tháng 10 năm 2023 anh sẽ chấp hành xong quyết định và trở về địa phương để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cùng nuôi dạy con.

Về con chung anh và chị S có 02 con chung là cháu Trắng Thu T, sinh năm 2004, cháu Trắng Bảo A, sinh năm 2011. Hiện cháu Trắng Thu T đã trưởng thành đi làm, còn cháu Trắng Bảo A trong trường hợp ly hôn do anh đang chấp hành quyết định, nên sẽ để chị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu, hiện anh đang chấp hành quyết định, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung và cho vay chung không có. Do bản thân anh đang chấp hành quyết định ở Trung tâm cai nghiện, do đó anh không thể đến Tòa án để tham gia buổi làm việc, phiên họp, phiên xét xử giải quyết vụ án, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Âu Thị S vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Trắng Văn N được ly hôn và chị yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 01 con chung là cháu Trắng Bảo A, sinh ngày 10/12/2011, đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Trắng Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Trắng Văn N vắng mặt, do đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Âu Thị S, xử cho chị Âu Thị S và anh Trăng Văn N được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trăng Bảo A, sinh ngày 10/12/2011 cho chị Âu Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trăng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Trăng Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung và cho vay chung: Không có, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Âu Thị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn chị Âu Thị S khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Âu Thị S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết về việc ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn anh Trăng Văn N vắng mặt, anh Trăng Văn N đề nghị xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thấy chị Âu Thị S và anh Trăng Văn N được tự do tìm hiểu, không ai ép buộc, tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 23/02/2004, hiện vợ chồng đã có 02 con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Trăng Văn N nghiện ma túy, năm 2020 chị Âu Thị S và anh Trăng Văn N đã sống ly thân đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn được, anh Trăng Văn N cho rằng còn tình cảm, nhưng không thể cải thiện quan hệ vợ chồng, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Âu Thị S và anh Trăng Văn N đã xảy ra căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau,

không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Âu Thị S và anh Trăng Văn N tại địa phương, kết quả anh Trăng Văn N nghiện ma túy, có hành vi dùng dao đe dọa chị S, vợ chồng đã sống ly thân, phía anh Trăng Văn N cũng xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2019. Nay chị Âu Thị S xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Âu Thị S, xử cho chị Âu Thị S và anh Trăng Văn N được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Âu Thị S và anh Trăng Văn N có 02 con chung là cháu Trăng Thu T, sinh ngày 22/8/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Trăng Bảo A, sinh ngày 10/12/2011 hiện đang ở với chị S, khi ly hôn chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Trăng Bảo A, đến khi đủ 18 tuổi, chị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; tuy cháu Trăng Bảo A nguyện vọng ở với bố, nhưng hiện nay anh N đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn. Xét thấy, cần giao cháu Trăng Bảo A, sinh ngày 10/12/2011 cho chị Âu Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trăng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trăng Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và cho vay chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Âu Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo biên lai số AA/2021/0002011 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn chị Âu Thị S đã nộp đủ tiền án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cơ bản là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần xem xét để áp dụng quyết định trong việc giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Âu Thị S và anh Trăng Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trăng Bảo A, sinh ngày 10/12/2011 cho chị Âu Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trăng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Âu Thị S. Anh Trăng Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và cho vay chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Âu Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo biên lai số AA/2021/0002011 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn chị Âu Thị S đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng;
- UBND xã H, h. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Triệu Thị Máy